

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT

Ngày: 26/5/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán:

Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Phương Thảo**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 và ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 518/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần H

Trụ sở: Số 111 Trần Nãi, khu phố 4, phường AK, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Ch – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Phòng 104 - C7 TT NT, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy ủy quyền số: 1506/2022/GUQ-H ngày 15/6/2022

- Bị đơn: Công ty cổ phần GĐ

Trụ sở: Lô 45 Khu công MT, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc Th, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 163/15/7F THT, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 30/8/2022

Ông Nguyễn Tùng D, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố LĐ 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy ủy quyền ngày 15/5/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Trung H – Văn phòng Luật sư Phan Trung H – Đoàn luật sư Tp Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người làm chứng: Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 111 Trần Nãi, khu phố 4, phường AK, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty GĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty cổ phần H và đại diện là anh Hoàng Đình C trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2019, giữa Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần GĐ (sau đây gọi tắt là Công ty GĐ) ký kết nhiều Hợp đồng kinh tế. Theo đó, Công ty H bán cho Công ty GĐ hàng hóa là các loại lúa mì, khô dầu đậu tương, bã đậu nành, ngô hạt để phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Một số điều khoản cơ bản của các Hợp đồng quy định chung về việc kiểm hàng, giao nhận, vận chuyển, thanh toán, phạt vi phạm hợp đồng được quy định với các điều khoản như sau:

- Kiểm hàng: Bên mua căn cứ theo kết quả giao nhận thực tế tại thời điểm giao nhận hàng để nhận hàng.

Trong trường hợp chất lượng hàng hóa không đạt theo chỉ tiêu như Điều 1 của Hợp đồng thì Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán biết tại thời điểm giao nhận và hai bên thỏa thuận giảm giá theo tỷ lệ chỉ tiêu không đạt chất lượng.

Trong trường hợp tại thời điểm giao hàng mà có phát sinh tranh chấp và không thống nhất về chất lượng hàng hóa thì hai bên sẽ cùng tiến hành lấy mẫu đều ở nhiều vị trí của lô hàng và niêm phong để đem đi kiểm định tại QUATEST 3 (hoặc cơ quan giám định trung lập mà hai bên thống nhất chỉ định). Kết quả QUATEST 3 hoặc của cơ quan giám định trung lập mà hai bên thống nhất chỉ định là kết quả cuối cùng buộc hai bên phải chấp nhận.

- Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán cho Bên bán theo hạn mức dựa trên tốc độ nhận hàng của Bên mua như sau:

+ Bên mua lên hàng 3.000 tấn/tháng, hạn mức công nợ là 50 tỷ đồng.

+ Bên mua nếu lên hàng tăng lượng hơn 1.000 tấn/tháng với hạn mức trên, hạn mức công nợ sẽ tăng lên 10 tỷ đồng nhưng không quá 70 tỷ đồng.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, phí chuyển khoản do Bên mua chịu.

Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán, Bên B phải chịu mức lãi suất chậm thanh toán là 9%/năm.

- Phạt vi phạm Hợp đồng: Một trong hai bên nếu vi phạm phải chịu phạt bằng 8% giá trị của Hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nói trên, Công ty H đã giao đầy đủ lượng hàng hóa cho Công ty GĐ. Công ty GĐ đã nhận đủ hàng hóa và giấy tờ có liên quan. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền hàng lại không đúng như cam kết trong Hợp đồng. Vì vậy công nợ bị cộng dồn kéo dài, không được thanh toán dứt điểm. Công ty H đã rất nhiều lần gửi văn bản, cử nhân sự đến làm việc trực tiếp để yêu cầu Công ty GĐ thanh toán công nợ nhưng phía Công ty GĐ vẫn chây ỳ, thanh toán nhỏ giọt mục đích nhằm chiếm dụng vốn của Công ty H.

Ngày 24/6/2021 tại Công ty GĐ, đại diện Công ty H và Công ty GĐ tiến hành làm việc để giải quyết dứt điểm công nợ. Theo đó, Công ty GĐ xác nhận còn nợ Công ty H tổng số tiền hàng là 34.161.299.119 đồng, chưa bao gồm lãi chậm trả phát sinh. Phía Công ty GĐ có yêu cầu giảm trừ số tiền 2.415.137.616 đồng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng mà không căn cứ kết quả theo QUATEST 3 như đã thỏa thuận tại các Hợp đồng. Số tiền giảm trừ này đại diện Công ty H chưa đồng ý và sẽ có văn bản trả lời cho Công ty GĐ.

Trên cơ sở biên bản làm việc ngày 24/6/2021, ngày 01/7/2021 Công ty H có văn bản số 22/CV –H gửi Công ty GĐ với nội dung xác định chỉ đồng ý giảm trừ số tiền là: 1.213.892.816 đồng. Tổng số tiền hàng Công ty GĐ phải thanh toán là: 32.947.406.303 đồng, số tiền trên chưa bao gồm lãi chậm trả phát sinh.

Sau đó, Công ty GD có thanh toán thành nhiều đợt khác nhau. Tính đến ngày 13/5/2022, Công ty GD mới trả được số tiền hàng là 31.746.159.503 đồng, số tiền hàng còn nợ lại là 1.201.246.800 đồng và nợ tiền lãi chậm trả tính đến ngày 13/5/2022 là 9.719.585.366 đồng.

Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty cổ phần GD phải thanh toán cho Công ty cổ phần H số tiền hàng còn nợ là: 1.201.246.800 đồng và số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại các Hợp đồng là 9%/năm tương đương số tiền 9.719.586.366 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần GD phải trả một lần là: 10.920.833.000 đồng cho Công ty cổ phần H.

Bị đơn là Công ty cổ phần GD và người đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Phúc Th trình bày:

Về quan hệ hợp đồng giữa hai bên: Công ty GD có quá trình dài hạn thực hiện các hợp đồng mua bán khô dầu đậu tương, bã đậu nành với Công ty H đến năm 2020. Khối lượng mua bán rất lớn, hai bên có quá trình hợp tác kinh doanh hữu hảo tốt đẹp và có thiện chí.

Công ty GD không đồng ý yêu cầu đòi nợ tiền hàng còn tH là 1.201.246.800 đồng. Liên quan đến yêu cầu đòi nợ tiền hàng của Công ty H, Công ty GD yêu cầu đối trừ hoàn toàn khoản tiền này vào điều chỉnh giảm công nợ do chất lượng hàng hóa do Công ty H giao không đảm bảo chất lượng. Theo quy định tại Điều 2 các hợp đồng đã ký, nếu có tranh chấp về chất lượng hàng hóa thì hai bên sẽ lấy mẫu kiểm tra tại QUATEST 3, nếu không đạt sẽ bị giảm giá tương ứng tỷ lệ phần trăm hàng hóa không đạt.

Theo số liệu đính kèm biên bản ngày 21/3/2018, trên cơ sở PH kết quả thử nghiệm chỉ tiêu tại QUATEST 3 số KT02942ATP8 ngày 20/3/2018, tổng giá trị Công ty H bị giảm trừ do giao hàng không đạt chất lượng là 2.394.501.380 đồng. Với giá trị giảm trừ này, Công ty GD không còn nợ tiền hàng Công ty H.

Công ty H yêu cầu các khoản lãi chậm thanh toán không có căn cứ:

Tại Điều 3, các hợp đồng quy định; “Bên mua thanh toán cho Bên bán theo hạn mức dựa theo tốc độ nhận hàng của bên mua như sau: “Bên mua lên hàng 3.000tấn/tháng, hạn mức công nợ là 50 tỷ đồng, Bên mua nếu lên hàng tăng lượng hơn 1.000 tấn/tháng với mức trên, hạn mức công nợ sẽ tăng thêm tương ứng 10 tỷ đồng”. Như vậy, Bên mua luôn được duy trì một khoản nợ tiền hàng 50 tỷ đồng mà không xác định thời hạn thanh toán. Thực tế, hạn mức công nợ đã từng lên đến 70 tỷ đồng. Một điều khoản thanh toán không có thời hạn thanh toán, không có thời hạn thanh toán công nợ của phần hạn mức dư nợ thì Công ty GD không hề bị xem là chậm thanh toán.

Từ tháng 02 năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty GD không lấy thêm hàng mà vẫn thanh toán các khoản công nợ tiền hàng trong hạn mức cho phép và đến nay đã thanh toán dứt điểm công nợ.

Các hợp đồng có quy định: “ Trong trường hợp bên B chậm thanh toán, bên B sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán 9%/năm”. Quy định này là vô nghĩa

khi hai bên không xác định thời hạn thanh toán của phần công nợ trong hạn mức 50 tỷ đồng và sau này là 70 tỷ đồng.

Đại dịch Covid-19 vừa qua là trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 156 Bộ luật dân sự. Trong thời gian đại dịch Covid -19 từ cuối năm 2019 đến 2021, Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 và Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về tạm đình chỉ và đình chỉ các cơ sở sản xuất kinh doanh và hạn chế xã hội. Đây là trường hợp bất khả kháng do chính sách của Chính phủ đối phó với dịch bệnh. Thuộc trường hợp Công ty GD được miễn trách nhiệm và nghĩa vụ (nếu có) trong các quan hệ hợp đồng có liên quan.

Công ty GD không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 306 Luật thương mại; Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H

Buộc công ty cổ phần GD trả cho Công ty cổ phần H số tiền 10.920.833.000 đồng (Mười tỷ chín trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/9/2022, bị đơn Công ty cổ phần GD có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy toàn bộ bản án để xét xử lại do các công nợ và lãi chưa được kiểm toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty H đồng ý giảm tiền lãi cho Công ty GD là 2.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty GD thay đổi yêu cầu kháng cáo, đối với tiền giảm trừ do chất lượng hàng hóa thì Công ty H không đồng ý trả cho Công ty GD, đối với số tiền lãi Công ty GD tự tính lại Công ty GD chỉ nợ Công ty H là 1.883.973.111 đồng nhưng Công ty GD chỉ đồng ý trả Công ty H số tiền lãi là 792.088.093 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi 1.091.885.018 đồng do ảnh hưởng dịch bệnh.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Phan Trung H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty GD phát biểu quan điểm: Về chất lượng hàng hóa dựa vào kết quả kiểm nghiệm của QUATEST 3 và biên bản ngày 21/3/2018 của Công ty GD. Biên bản lấy mẫu ngày 10/3/2018 là có đại diện của Công ty H là anh Q chứng kiến vì thực tiễn

làm việc trước đây lấy mẫu chất lượng hàng hóa là do anh Q chứng kiến. Do đó Công ty GD không đồng ý trả cho Công ty H số tiền tranh chấp về chất lượng hàng hóa 1.201.246.800 đồng. Đối với tiền lãi: mẫu chốt của vấn đề là kể từ tháng 01/2020 thì có áp dụng hạn mức công nợ hay không? Hạn mức công nợ thì không áp dụng thời hạn trả nợ, không có quy định nào bị đơn không mua hàng nữa thì sẽ không được áp dụng hạn mức công nợ nên Công văn số 13 sẽ được áp dụng xuyên suốt trong quá trình trả nợ. Do đó Công ty GD tính lại số tiền lãi là 1.883.973.111 đồng nhưng chỉ đồng ý trả 792.088.093 đồng, xin miễn trả 1.091.885.018 đồng do ảnh hưởng dịch Covid.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Về tính có căn cứ và hợp pháp đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty GD: Đối với số tiền tranh chấp chất lượng hàng hóa 1.201.246.800 đồng, Công ty GD căn cứ vào biên bản lấy mẫu ngày 21/3/2018 là không có căn cứ theo thỏa thuận của hai bên trong ba hợp đồng tranh chấp, do đó Công ty GD không đồng ý trả cho Công ty H số tiền nay là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với việc tranh chấp tiền lãi 9.719.586.366 đồng, Công ty GD không đồng ý trả toàn bộ mà chỉ đồng ý trả một phần là không có căn cứ vì tính đến tháng 01 năm 2020 Công ty GD không mua hàng hóa của Công ty H nên xem như không áp dụng hạn mức 50 tỷ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Công ty H đồng ý giảm 2 tỷ tiền lãi cho Công GD nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty GD. Sửa án sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty H giảm cho Công ty GD số tiền lãi là 2 tỷ đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần GD lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về việc xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo và biên lai đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của Công

ty Cổ phần GD nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần GD.

2.1 Theo nguyên đơn thì từ năm 2017 đến năm 2019, giữa Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H) với Công ty cổ phần GD (sau đây gọi tắt là Công ty GD) ký kết nhiều Hợp đồng kinh tế để mua bán các nguyên liệu để phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình mua bán, Công ty GD có nợ Công ty H. Ngày 24/6/2021 hai bên đối cH nợ Công ty H xác định Công ty GD còn nợ 34.161.299.119 đồng, Công ty GD xác nhận còn nợ Công ty H 31.764.161.503 đồng, chưa bao gồm lãi chậm trả phát sinh. Ngày 01/7/2012 Công ty H có văn bản số 22/CV-H gửi Công ty GD chỉ đồng ý giảm trừ 1.213.892.816 đồng, chưa bao gồm lãi chậm trả phát sinh. Tổng số tiền Công ty GD phải thanh toán là 32.947.406.303 đồng. Sau đó Công ty GD trả tiền nhiều lần đến ngày 13/5/2021 tổng số tiền là 31.746.159.503 đồng, còn nợ lại 1.201.246.800 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 13/5/2022 là 9.719.585.366 đồng.

Theo bị đơn Công ty GD trình bày không đồng ý đối với số tiền 1.201.246.800 đồng Công ty H kiện vì yêu cầu này đối trừ hoàn toàn vào khoản tiền này vào điều chỉnh giảm công nợ do chất lượng hàng hóa do Công ty H giao không đảm bảo chất lượng, do đó Công ty GD không còn nợ Công ty H 1.201.246.800 đồng. Đối với số tiền lãi 9.719.585.366 đồng Công ty GD không đồng ý trả cho Công ty H vì căn cứ theo Điều 3 của các Hợp đồng quy định hạn mức công nợ là 50 tỷ nên không xem là chậm thanh toán. Đối với quy định trường hợp bên B chậm thanh toán, bên B phải chịu lãi suất chậm thanh toán 9%/năm là vô nghĩa. Năm 2020 do ảnh hưởng dịch covid-19 Công ty GD không lấy thêm hàng mà vẫn trả nợ cho Công ty H, đến nay đã thanh toán xong nợ, đối với số tiền lãi cũng chưa được kiểm toán.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H, Công ty GD không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo.

2.2 Đối với việc giảm trừ tiền do hàng hóa không đảm bảo chất lượng, giữa Công ty H và Công ty GD thống nhất tranh chấp hàng hóa kém chất lượng liên quan đến 07 lô hàng của ba Hợp đồng 655, 656 và 657 ký ngày 02/11/2017, tổng giá trị bảy lô hàng này là 30.896.612.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 2 các Hợp đồng 655, 656, 657 ký kết ngày 17/11/2017 thỏa thuận: tại Điều 1 quy định về chất lượng như sau: "...Xơ: 4% max, cát, sạn đá 2,5%..."; tại Điều 2 quy định về kiểm hàng, giao nhận và vận chuyển như sau: "Kiểm hàng: Bên mua căn cứ theo kết quả kiểm hàng thực tế tại thời điểm giao nhận hàng để nhận hàng. Trong trường hợp chất lượng hàng không đạt theo chỉ tiêu trong Điều 1 thì Bên mua sẽ thông báo cho bên bán tại thời điểm giao

nhận và hai bên thỏa thuận giảm giá theo tỷ lệ chỉ tiêu không đạt chất lượng. Trong trường hợp tại thời điểm giao hàng mà hai bên có phát sinh tranh chấp và không thống nhất về chất lượng hàng hóa thì hai bên sẽ cùng tiến hành lấy mẫu đều ở các vị trí của lô hàng và niêm phong mẫu để đem đi kiểm tra tại QUATEST 3....Kết quả của QUATEST 3 (hoặc cơ quan trung lập mà hai bên thống nhất chỉ định) là kết quả cuối cùng buộc hai bên phải chấp nhận. Trường hợp chỉ tiêu vượt mức cho phép của HĐ thì tỷ lệ giảm giá theo tỷ lệ 1:1 tức giảm 1% giá tương đương chỉ tiêu không đạt 1%...”

Giá trị 07 lô hàng được tính theo biên bản về việc xử lý các lô nguyên liệu đậu nành do Công ty GD lập ngày 21/3/2018 tổng cộng giá trị là 30.896.612.000 đồng.

Về thời điểm lấy mẫu: tại phiên tòa phúc thẩm Công ty GD trình bày ngày 09/02/2018 thì nhận hàng, đến ngày 10/3/2018 thì lấy mẫu, do đó việc lấy mẫu sau một tháng nhận hàng là không đúng với quy định trong hợp đồng.

Về căn cứ xác định chất lượng hàng hóa: Công ty H căn cứ thỏa thuận trong các hợp đồng và căn cứ vào PH kết quả thử nghiệm của QUATEST 3 ngày 20/3/2018 kết quả thử nghiệm hàm lượng xơ thô 6,7%, kết quả này vượt so với nội dung đã thỏa thuận trong các Hợp đồng (6,7% - 4%) là 2,7 %, Cách tính như sau (2,7% x 30.896.612.000 đồng), thành tiền là 834.208.524 đồng nhưng Công ty H đồng ý trừ cho Công ty GD 1.213.892.816 đồng.

Công ty GD căn cứ vào Chỉ tiêu tạp chất theo Biên bản v/v xử lý các lô nguyên liệu đậu nành không đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày 21/3/2018 của Công ty GD kết luận: “Chỉ tiêu tạp chất của mẫu đại diện là 7,56% (biên bản đánh giá cảm quang tại nhà máy GD Vĩnh Long có đại diện của H), kết quả này vượt so với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là tối đa 2,5%. Chỉ tiêu chất xơ của mẫu đại diện sau khi đã loại ra tạp chất là 6,7% (kết quả thử nghiệm tại Trung tâm III) Kết quả này vượt so với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tối đa 4%. Tổng tỷ lệ vượt so với thỏa thuận trong các hợp đồng là 7,75%, tương ứng 7,75% số tiền hàng Công ty GD phải trả cho Công ty H là 2.394.501.380 đồng.

Nhận thấy, hai bên đã thỏa thuận về cách kiểm tra chất lượng hàng hóa và Công ty H đã căn cứ vào kết quả thử nghiệm của QUATEST 3 là đơn vị hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng để làm căn cứ giảm trừ đối với giá trị 07 lô hàng hóa nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của hai Công ty nên có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Đối với Công ty GD dựa vào Biên bản v/v xử lý các lô nguyên liệu đậu nành không đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày 21/3/2018 của Công ty GD để giảm trừ chất lượng hàng hóa là không có sự thỏa thuận của hai bên nên không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Do đó, Công ty H yêu cầu Công ty GD trả số tiền 1.201.246.800 đồng là có căn cứ pháp luật.

2.3 Đối với việc tranh chấp số tiền lãi chậm thanh toán 592.117.536 đồng là về việc mua bán lúa mì theo Hợp đồng kinh tế số 702 ký ngày 28 tháng 11 năm 2018 và tiền lãi chậm thanh toán 9.127.469.010 đồng của sáu hợp đồng mua bán bắp đậu nành là: Hợp đồng kinh tế 136, 137 ký ngày 03/09/2019; Hợp đồng kinh tế 397 ký ngày 03/7/2019; Hợp đồng kinh tế 443, 444 ký ngày 23/7/2019; Hợp đồng kinh tế 546 ký ngày 20/9/2019. Hai bên tranh chấp tổng cộng là 07 Hợp đồng.

Theo Công văn số 13-09/2018/CV-TLH ngày 13/9/2018 của Công ty CP Tập Đoàn Tân Long/Công ty CP H gửi Công ty cổ phần GD có nội dung: “Do nhu cầu sản xuất tăng và đề xuất của Công ty CP GD, chúng tôi xin thông báo tới quý Công ty kể từ ngày 13/9/2018 hạn mức công nợ tối đa mà Công ty CP Tập Đoàn Tân Long/Công ty CP H áp dụng với Công ty GD là 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng). Đối với lượng hàng giao vượt hạn mức nêu trên, Quý Công ty vui lòng thanh toán trước khi giao nhận hàng cho Công ty chúng tôi. Công văn này thay thế cho công văn: 82/2016/CV-H ngày 26/9/2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi có công văn mới thay thế”

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty H và Công ty GD đều xác định chưa có Công văn nào thay thế Công văn 13 và Công văn số 13 này sẽ áp dụng cho tất cả các hợp đồng.

Bảy Hợp đồng tranh chấp đều được ký sau ngày 13/9/2018. Đối với phương thức thanh toán quy định trong bảy Hợp đồng như sau: Hợp đồng 702 là bên mua thanh toán cho bên bán trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng; Hợp đồng 136 và 137 là bên mua thanh toán cho bên bán theo Công văn số 13; Hợp đồng 357, 443 và 444 là bên mua thanh toán cho bên bán theo hạn mức dựa theo tốc độ nhận hàng của bên mua như sau: Bên mua nếu lên hàng 3000 tấn/tháng, hạn mức công nợ là 50 tỷ đồng; Bên mua nếu lên hàng tăng lượng hơn 1000 tấn/tháng với mức trên, hạn mức trên, hạn mức công nợ sẽ tăng thêm tương ứng 10 tỷ đồng; Hợp đồng 546 là bên mua thanh toán cho bên bán theo hạn mức dựa theo tốc độ nhận hàng của bên mua như sau: Bên mua lên hàng 3000 tấn/tháng, hạn mức công nợ là 50 tỷ đồng, bên mua nếu lên hàng tăng lượng hơn 1.000 tấn/tháng với mức trên, hạn mức công nợ sẽ tăng thêm tương ứng 10 tỷ đồng nhưng không quá 70 tỷ đồng. Trong bảy hợp đồng tranh chấp đều quy định trong trường hợp bên B chậm thanh toán, bên B sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 9%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm giữa hai Công ty thống nhất về việc tính lãi của Hợp đồng 702 về mua bán lúa mì như sau: tháng 8/2019 là 93.210.601 đồng, tháng 9/2019 là 260.568.829 đồng, tháng 10/2019 là 21.989.511 đồng, tháng

11/2019 là 21.280.172, tháng 12/2019 là 21.989.511 đồng, tháng 01/2020 là 21.989.511 đồng, tổng cộng là 441.028.135 đồng. Đối với việc tranh chấp mua bán bã đậu nành đối với các Hợp đồng 136, 137, 357, 443, 444, 546 giữa hai Công ty thống nhất về việc tính lãi như sau: tháng 6/2019 là 94.660.571 đồng, tháng 07/2019 là 21.211.281 đồng, tháng 8/2019 là 68.612.051 đồng, tháng 9/2019 là 109.695.697 đồng, tháng 10/2019 là 401.386 đồng, tháng 11/2019 là 14.883.989 đồng, tháng 12/2019 là 10.971.460 đồng, tháng 01/2020 là 30.623.523 đồng. Tổng cộng hai bên Công ty đã thống nhất được số tiền lãi của hợp đồng mua bán lúa mì và các hợp đồng mua bán bã đậu nành từ tháng 06/2019 đến tháng 01/2020 số tiền lãi là 792.088.093 đồng.

Hai bên Công ty chỉ tranh chấp về số tiền lãi của bảy hợp đồng nêu trên từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2022, tổng số tiền lãi tranh chấp là 8.927.498.273 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên Công ty đều thừa nhận từ tháng 01 năm 2020 thì hai bên Công ty đã ngưng không còn mua bán với nhau vì Công ty GĐ vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại thời điểm tháng 02 năm 2020 thì số dư nợ Công ty GĐ đối với Công ty H số tiền là 78.434.430.959 đồng. Số tiền này Công ty GĐ trả dần cho Công ty H đến tháng 5 năm 2022 thì hết.

Theo Công ty H thì hai bên không còn mua bán nữa thì phải trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất là 9%/năm, không tính hạn mức công nợ. Đối với những hợp đồng không có quy định thời hạn trả tiền thì bên Công ty GĐ phải trả tiền ngay sau khi nhận hàng.

Theo Công ty GĐ tuy hai bên không còn mua bán với nhau nữa nhưng vẫn phải tính hạn mức công nợ là 50 tỷ đồng thì không phải trả lãi.

Nhận thấy, hai bên thống nhất Công văn số 13 áp dụng xuyên suốt trong tất cả các Hợp đồng, đến tháng 01 năm 2020 do Công ty GĐ vi phạm nghĩa vụ thanh toán thời gian trả tiền nên hai bên chấm dứt các hợp đồng kinh tế. Sau khi chấm dứt hợp đồng kinh tế với Công ty H thì Công ty GĐ vẫn tiếp tục hoạt động vì vậy không thể miễn trừ hạn mức công nợ 50 tỷ cho Công ty GĐ. Đối với cách tính lãi của Hợp đồng 702 là sau 07 ngày nhận hàng, còn đối với sáu hợp đồng còn lại thì do không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán nên Công ty GĐ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H vào thời điểm bên Công ty H giao hàng theo quy định tại Điều 55 Luật thương mại. Đối với sáu Hợp đồng này thì Công ty H tính lãi sau ngày Công ty GĐ là có căn cứ pháp luật.

Do đó, Công ty H yêu cầu Công ty GĐ trả số tiền lãi chậm trả 8.927.498.273 đồng là có căn cứ pháp luật. Từ những phân tích trên, xét thấy Công ty H yêu cầu Công ty GĐ trả tiền lãi tổng cộng là 9.719.586.366 đồng là phù hợp với Điều 55 Luật thương mại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty GD trình bày: thời gian do ảnh hưởng dịch bệnh Covid mà Công ty GD không hoạt động được là từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021. Tổng số tiền lãi từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021 là 817.226.085 đồng nhưng Công ty H đồng ý trừ cho Công ty GD. Trong số tiền lãi 2 tỷ đồng mà Công ty H giảm cho Công ty GD đã có số tiền lãi từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021.

Từ những phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H là có căn cứ pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm do tình hình dịch bệnh Covid nên Công ty H đồng ý giảm lãi cho Công ty GD số tiền là 2 tỷ đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2. 3 Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm, buộc Công ty GD trả cho Công ty H số tiền tổng cộng là 8.920.833.000 đồng.

2.4 Công ty GD kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty GD trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại Công ty cổ phần GD phải chịu 116.920.833 đồng. Do sửa án sơ thẩm nên Công ty GD không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần GD.

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 12/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 39.41, 50, 55, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H.

- Buộc Công ty cổ phần GD trả cho Công ty cổ phần H số tiền là 8.920.833.000 đồng (Tám tỷ chín trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần H giảm tiền lãi cho Công ty Cổ phần GD số tiền là 2.000.000.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty cổ phần GD phải chịu 116.920.833 đồng được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0022643 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, vậy Công ty cổ phần GD phải nộp tiếp số tiền là 114.920.833 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty GD không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại Công ty cổ phần H 59.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0022504 ngày 21/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoàn